

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cơ khí - Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Số 128, đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Lô K, đường số 4, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Cho thuê nhà xưởng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2023
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024
Bà Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tám	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2023
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Hiên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tám – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 2.0335/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh I.6a, Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (Công ty con) và Chi nhánh Long Sơn của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) không được kiểm toán do các đơn vị này đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số liệu trên Bảng cân đối kế toán của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tổng tài sản là 34.666.233.685 VND (số đầu năm là 34.866.233.685 VND), nợ phải trả là 49.300.892.375 VND (số đầu năm là 49.565.289.948 VND) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là (21.752.626.388) VND (số đầu năm là (21.682.062.660) VND).

Các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 chưa được phân loại theo công dụng của tài sản (Xem Thuyết minh số V.10). Thời gian khấu hao của các tài sản này đang ước tính là 30 năm mà chưa khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích của từng tài sản. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục “Hàng tồn kho” phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, với giá trị ghi sổ là 72.105.355.361 VND. Chúng tôi không thể ước tính được giá trị có thể thu hồi đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình này.

CT.C.T. Y. LO.

Một số khoản công nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu khác và ứng trước cho người bán) và công nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả khác và người mua trả tiền trước) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 79.394.015.526 VND và 81.005.385.107 VND, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 141.367.859.172 VND và 137.821.134.696 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm công ty.

Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày; và chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán đối với các khoản nợ phải trả người bán đã quá hạn, căn cứ theo phán quyết của Tòa án. Theo ước tính của kiểm toán viên, nếu Công ty ghi nhận các số liệu trên, các khoản mục trong các báo cáo tài chính sẽ thay đổi như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 34.530.375.940 VND; “Chi phí khác” tăng 2.121.902.067 VND; “Lợi nhuận kế toán trước/sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm (36.652.278.007) VND (Số năm trước: tăng/(giảm) lần lượt là: 3.236.175.404 VND, 2.176.937.854 VND và (5.413.113.258) VND); Bảng cân đối kế toán hợp nhất: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng 37.766.551.344 VND; “Phải trả ngắn hạn khác” tăng 15.419.102.301; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm (53.185.653.645) VND (Số đầu năm: tăng/(giảm) lần lượt là 3.236.175.404 VND, 13.297.200.234 VND và (16.533.375.638) VND).

Ngoài các khoản nợ phải trả mà Công ty đã bị đối tác khởi kiện, chúng tôi không thể xác định được tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như số lãi chậm thanh toán mà Công ty sẽ phải trả cho các nhà cung cấp theo tiến độ qui định trong Hợp đồng (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ thuần (71.534.332.335) VND của Nhóm công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày này, số lỗ lũy kế của Nhóm công ty là (358.926.045.032) VND, vốn chủ sở hữu âm (220.673.439.070) VND, và các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 383.956.367.852 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 và VII.5 về việc Công ty đã nhận được thông báo của Tòa án về việc Công ty bị khởi kiện; hoặc Công ty đang là nguyên đơn và là bị đơn trong một số vụ tranh chấp, kiện tụng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.670.095.422	466.190.829.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.415.761.399	2.239.106.568
1. Tiền	111	V.1	2.415.761.399	2.239.106.568
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		445.190.400	419.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	445.190.400	419.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292.089.850.112	310.790.341.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	202.304.712.160	223.939.112.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.074.620.928	20.363.643.804
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.659.332.458	2.659.332.458
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	82.425.056.917	77.308.661.735
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(32.150.897.270)	(30.257.433.906)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		16.777.024.919	16.777.024.919
IV. Hàng tồn kho	140		117.811.064.678	133.265.456.321
1. Hàng tồn kho	141	V.8	117.811.064.678	133.265.456.321
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.908.228.833	19.476.725.424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	290.129.652	220.060.534
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.618.099.181	19.256.664.890
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.862.964.713	266.612.881.931
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	48.000.000	48.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		214.065.193.065	222.794.530.009
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	212.445.193.065	221.174.530.009
<i>Nguyên giá</i>	222		379.693.289.099	379.523.194.192
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(167.248.096.034)	(158.348.664.183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(555.809.000)	(555.809.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.144.756.579	36.850.075.998
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	39.124.823.018	36.830.075.998
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.000.066.439)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.823.522.895	6.138.783.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.590.976.072	5.896.126.195
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12a	232.546.823	242.657.555
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		657.533.060.135	732.803.711.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		878.206.499.205	882.609.559.763
I. Nợ ngắn hạn	310		816.626.463.274	810.029.523.832
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	158.039.330.531	156.421.096.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	55.509.372.010	81.570.182.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	86.402.500.355	72.609.280.620
4. Phải trả người lao động	314		14.455.476.065	11.802.375.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	60.291.052.510	59.857.260.283
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	252.375.949.847	237.480.431.268
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	187.708.162.393	188.437.777.893
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.844.619.563	1.851.119.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		61.580.035.931	72.580.035.931
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	61.554.570.853	72.554.570.853
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

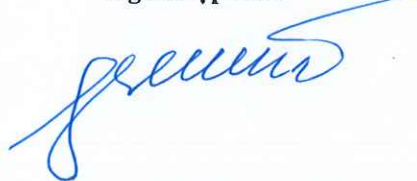
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(220.673.439.070)	(149.805.848.067)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(220.673.439.070)	(149.805.848.067)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(358.926.045.032)	(287.997.411.823)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(287.330.670.491)	(287.997.411.823)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(71.595.374.541)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		448.715.836	387.673.630
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		657.533.060.135	732.803.711.696

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.471.261.500	71.110.693.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.471.261.500	71.110.693.488
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68.545.259.248	65.116.047.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.926.002.252	5.994.646.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.811.553	25.780.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	58.813.426.944	27.093.718.361
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.434.516.379	27.093.718.361
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(53.865.814)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.909.772.383	15.412.470.442
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(59.765.385.522)	(36.539.627.675)
12. Thu nhập khác	31		13.750.000	-
13. Chi phí khác	32	VI.6	11.471.111.360	4.271.574.542
14. Lợi nhuận khác	40		(11.457.361.360)	(4.271.574.542)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(71.222.746.882)	(40.811.202.217)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		301.474.721	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10.110.732	10.110.732
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(71.534.332.335)	(40.821.312.949)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(71.595.374.541)	(40.106.313.484)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		61.042.206	(714.999.465)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(8.571)	(4.801)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(8.571)	(4.801)

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(71.222.746.882)	(40.811.202.217)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	8.899.431.851	8.905.828.720
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	35.265.524.115	3.876.011.829
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	25.990.400	28.085.263
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.434.516.379	27.093.718.361
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.597.284.137)	(907.558.044)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.419.603.285	(7.796.563.490)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.454.391.643	41.782.834.368
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.913.623.829)	(53.150.210.578)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		235.081.005	472.855.544
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.489.312.329)	26.259.971.923
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(6.500.000)	(39.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.102.355.638	6.622.229.723
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(170.094.907)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(25.990.400)	25.780.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(196.085.307)	25.780.551



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	350.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(12.079.615.500)	(14.018.749.208)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(39.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.729.615.500)	(14.058.299.208)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		176.654.831	(7.410.288.934)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.239.106.568	9.649.395.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.415.761.399	2.239.106.568

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Cho thuê nhà xưởng; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện các hợp đồng chế tạo thiết bị thủy công cho các công trình thủy điện nhỏ đã ký trong năm trước và nghiệm thu các hợp đồng này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các bên giao thầu để quyết toán và đơn đốc thanh toán các hợp đồng thi công lắp đặt thiết bị thủy công của các công trình đã thi công xong, đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ rất lâu nhưng chưa được quyết toán và thanh toán như Xekaman 1, Xekaman 3... Do công nợ phải thu khách hàng tồn đọng nhiều nên Công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, nộp thuế, bảo hiểm... dẫn đến chi phí lãi vay, lãi chậm thanh toán rất lớn.
6. **Cấu trúc Nhóm công ty**
Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. *Danh sách các Công ty con được hợp nhất*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,87%	89,87%	89,87%	89,87%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (*)	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

(*) Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ phát sinh một số nghiệp vụ liên quan đến công nợ với Công ty mẹ. Chi nhánh Long Sơn thuộc Công ty Cổ phần Someco Hà Giang cũng dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn	100	34.818.233.685	34.818.233.685
Tài sản dài hạn	200	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng tài sản	270	34.866.233.685	34.866.233.685
Nợ phải trả	300	49.300.892.375	49.565.289.948
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(21.752.626.388)	(21.682.062.660)

6b. Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất (xem thêm thuyết minh V.2b).

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh theo đăng ký của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ quyền biểu quyết (được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết) là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết. Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 và đã có phán quyết của Tòa án tại Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 09 năm 2024 (Xem thuyết minh VII.5).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 129 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 133 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nhóm công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Nhóm công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu năm (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong năm (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Nhóm công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Đối với tài sản cố định hình thành từ dự án thủy điện Nậm Ly 1: Nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá trị quyết toán nhà máy được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thời gian khấu hao là 30 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dura, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình này như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.951.180	118.082.678
Tiền gửi ngân hàng	2.410.810.219	2.121.023.890
Cộng	2.415.761.399	2.239.106.568

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Khoản tiền này được cầm cố để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương đương 16.200.000 Cổ phần. Công ty sở hữu 3.912.482 Cổ phần tương ứng 24% vốn điều lệ theo đăng ký và tương ứng 67% vốn thực góp tại ngày 31/12/2024.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	39.124.823.018	39.124.823.018
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	(2.294.747.020)
Dự phòng tổn thất đầu tư	(35.000.066.439)	
Cộng	4.124.756.579	36.830.075.998

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco 1”) vẫn đang tạm dừng việc đầu tư công trình thủy điện Bắc Giang 1, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có doanh thu. Tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Công trình thủy điện Bắc Giang 1 đã được thế chấp cho Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Someco 1 với Ngân hàng. Do Someco 1 vi phạm về thanh toán tiền lãi và không thực hiện các cam kết triển khai thực hiện dự án nên Ngân hàng đã khởi kiện Someco 1 ra Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 đã có hiệu lực thi hành, theo đó, Tòa án buộc Someco 1 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 199.193.137.626 VND (bao gồm 129.223.353.276 VND nợ gốc và 69.970.784.350 VND nợ lãi). Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã có Thông báo số 60/TB-THADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc bán đấu giá thành với nội dung: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai gắn với dự án công trình thủy điện Bắc Giang đã bị cưỡng chế thi hành án và được bán đấu giá thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2024 với giá trúng đấu giá là 72.931.528.125 VND.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	
Trích lập dự phòng	35.000.066.439	
Hoàn nhập dự phòng	-	
Số cuối năm	35.000.066.439	

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Someco 1, được trích lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Someco 1.

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để thế chấp

Nhóm công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Someco 1 để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh V.18a)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

Giá trị hợp lý

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>132.650.202.356</i>	<i>171.580.785.763</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	122.240.002.280	161.083.505.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	6.182.844
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.725.882.302	2.825.882.302
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.818.287.073	1.805.367.073
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	2.934.522.911	3.375.730.088
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.304.238.354	1.304.238.354
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>69.654.509.804</i>	<i>52.358.326.679</i>
Cộng	202.304.712.160	223.939.112.442
Trong đó: Số chưa được đối chiếu xác nhận	42.175.516.228	58.187.932.135

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015	2.997.545.015
Các nhà cung cấp khác	9.691.225.913	9.980.248.789
Cộng	20.074.620.928	20.363.643.804
Trong đó: Số chưa được đối chiếu xác nhận	14.360.118.353	14.649.141.229

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>159.332.458</i>	<i>159.332.458</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển	2.500.000.000	2.500.000.000
Năng lượng Phúc Khánh		
Cộng	2.659.332.458	2.659.332.458

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.775.372.241</i>	-	<i>986.997.391</i>	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	783.374.850			
Ông Lê Văn Tám - Tạm ứng	557.000.000		557.000.000	
Ông Vũ Anh Đoàn - Tạm ứng	60.000.000		60.000.000	
Ông Đỗ Ngọc Ánh -Tạm ứng	374.997.391		369.997.391	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>80.649.684.676</i>	<i>(7.063.677.259)</i>	<i>76.321.664.344</i>	<i>(6.809.482.954)</i>
Tạm ứng	42.775.217.114	(254.194.305)	36.778.941.478	(254.194.305)
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	19.828.482.646	-	18.928.138.272	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.558.047.241	-	4.738.092.324	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.487.937.675	(6.809.482.954)	15.876.492.270	(6.555.288.649)
Cộng	82.425.056.917	(7.063.677.259)	77.308.661.735	(6.809.482.954)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan	5.321.064.789	5.421.064.789
Tổng Công ty Sông Đà - Công ty Cổ phần	789.815.414	789.815.414
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.725.882.302	2.825.882.302
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.805.367.073	1.805.367.073
Các tổ chức và cá nhân khác	26.829.832.481	24.836.369.117
Các khoản phải thu khách hàng	17.534.349.527	15.526.886.163
Các khoản phải thu về cho vay	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu khác	6.795.482.954	6.809.482.954
Cộng	32.150.897.270	30.257.433.906

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.257.433.906	26.381.422.077
Trích lập dự phòng bổ sung	2.007.463.364	3.876.011.829
Hoàn nhập dự phòng	(114.000.000)	-
Số cuối năm	32.150.897.270	30.257.433.906

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.324.298.717	-	4.333.225.293	-
Công cụ, dụng cụ	103.076.315	-	114.531.110	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	113.383.689.646	-	128.817.699.918	-
Công trình thủy điện Xekaman 1	30.432.346.808	-	35.431.276.910	-
Công trình thủy điện Xekaman 3	22.728.899.779	-	22.728.899.779	-
Công trình thủy điện Sanxay	15.592.666.491	-	17.336.819.934	-
Công trình khác	44.629.776.568	-	53.320.703.295	-
Cộng	117.811.064.678	-	133.265.456.321	-

(*) Hầu hết các công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ bên giao thầu phê duyệt quyết toán

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.497.954	-
Chi phí bảo hiểm	258.381.698	161.810.534
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.250.000	58.250.000
Cộng	290.129.652	220.060.534

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất (*)	5.590.976.072	5.829.057.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	67.068.943
Cộng	5.590.976.072	5.896.126.195

(*) Là chi phí thuê đất dài hạn lô K, đường 4, KCN Liên Chiêu, Liên Chiêu, Đà Nẵng. Thời hạn thuê từ 02/07/2008 đến 02/07/2048, thời hạn phân bổ còn lại 306 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	265.804.892.663	18.076.084.670	64.553.230.720	28.715.530.214	2.373.455.925	379.523.194.192
Tăng trong năm	-	-	170.094.907	-	-	170.094.907
Số cuối năm	265.804.892.663	18.076.084.670	64.723.325.627	28.715.530.214	2.373.455.925	379.693.289.099
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	17.336.964.363	64.553.230.720	26.343.503.109	1.944.547.743	110.178.245.935
Chờ thanh lý	-	-	-	2.372.027.105	428.908.182	2.800.935.287
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.874.798.998	17.882.201.983	64.502.677.063	28.715.530.214	2.373.455.925	158.348.664.183
Khấu hao trong năm	8.809.609.433	33.193.944	56.628.474	-	-	8.899.431.851
Số cuối năm	53.684.408.431	17.915.395.927	64.559.305.537	28.715.530.214	2.373.455.925	167.248.096.034
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	220.930.093.665	193.882.687	50.553.657	-	-	221.174.530.009
Số cuối năm	212.120.484.232	160.688.743	164.020.090	-	-	212.445.193.065
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 có giá trị còn lại theo sổ sách là 212.120.484.232 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình và Chi nhánh Hà Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Số cuối năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000
Số cuối năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	242.657.555	252.768.287
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(10.110.732)	(10.110.732)
Số cuối năm	232.546.823	242.657.555

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	97.656.640.589	96.720.830.262
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	80.947.119.794	108.961.857.568
Cộng	178.603.760.383	205.682.687.830

Chi tiết như sau:

	Lỗ tính thuế	Lãi vay	Cộng
Năm 2020	11.952.706.017	18.205.848.795	30.158.554.812
Năm 2021	34.712.742.152	14.988.244.612	49.700.986.764
Năm 2022	4.732.579.803	19.919.254.182	24.651.833.985
Năm 2023	22.426.913.027	23.407.336.659	45.834.249.686
Năm 2024	7.122.178.795	21.135.956.341	28.258.135.136
Cộng	80.947.119.794	97.656.640.589	178.603.760.383

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	25.291.303.749	27.043.461.002
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.516.312.235	3.208.469.488
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.406.515.445	1.406.515.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	110.234.772	110.234.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.867.375.822	21.867.375.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	657.750	657.750
Công ty TNHH điện Xekaman 3	387.736.725	387.736.725
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	132.748.026.782	129.377.635.019
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.619.976.831	17.619.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	12.481.877.951	12.531.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	17.149.544.884	17.149.544.884
Các nhà cung cấp khác	85.496.627.116	82.076.235.353
Cộng	158.039.330.531	156.421.096.021
Trong đó: Số chưa được đối chiếu xác nhận	57.932.232.996	56.766.055.731
Số đã quá hạn chưa thanh toán ^(*)	49.092.535.641	49.092.535.641

(*) Xem thêm thuyết minh số VII.4 – Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	35.206.162.341	58.088.774.639
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	29.153.041.279	52.035.653.577
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH điện Xekaman 3	383.500.000	383.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	20.303.209.669	23.481.407.655
Cộng	55.509.372.010	81.570.182.294
Trong đó: Số chưa được đối chiếu xác nhận	20.315.470.496	81.055.078.965

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.254.180.048	5.371.482.980	(2.377.106.136)	48.248.556.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.937.010.436	301.474.721	(301.474.721)	9.937.010.436
Thuế thu nhập cá nhân	1.542.769.541	136.013.301	(89.390.751)	1.589.392.091
Thuế tài nguyên	451.495.563	1.978.420.220	(2.047.767.039)	382.148.744
Tiền thuê đất	258.260.324	-	-	258.260.324
Thuế bảo vệ môi trường	-	596.235.276	(596.235.276)	-
Lệ phí môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Các loại thuế khác	238.854.677	-	-	238.854.677
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.926.710.031	10.828.862.987	(7.295.827)	25.748.277.191
Cộng	72.609.280.620	19.220.489.485	(5.427.269.750)	86.402.500.355

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 8% và 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Nhóm công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm theo các mức lần lượt là 2.006,79 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 8/11/2023 theo quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 8/11/2023 của Bộ Công thương) và 2.103,1159 đ/Kwh (áp dụng từ 11/10/2024 theo quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11/10/2024 của Bộ Công thương) với thuế suất là 5%.

Phí môi trường rừng

Công ty phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND/KWh.

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thông tin khác

Đến ngày 31/12/2024, Công ty mẹ vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản phạt chậm nộp thuế. Công ty mẹ vẫn đang bị cưỡng chế hóa đơn

16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Chi phí dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly	31.285.528.215	31.285.528.215
Chi phí quản lý trích trước	2.970.826.040	2.162.495.624
Chi phí công trình trích trước	22.228.322.143	22.602.860.332
Cộng	60.291.052.510	59.857.260.283

17. Phải trả ngắn hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.972.812.939	18.940.035.411
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	18.968.312.939	18.935.535.411
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	233.403.136.908	218.540.395.857
Lãi vay phải trả	183.843.301.418	164.898.097.368
Kinh phí công đoàn	2.541.968.997	2.417.448.336
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	31.939.798.995	28.919.061.386
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.565.290.160
Nhận ủy thác đầu tư	20.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.492.777.338	19.720.498.607
Cộng	252.375.949.847	237.480.431.268

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	183.843.301.418	164.898.097.368
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	31.939.798.995	2.417.448.336
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	28.919.061.386
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.875.969.816	8.609.341.818
Cộng	227.723.074.304	215.534.089.271

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	176.107.821.316	176.772.436.816
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾	150.843.910.986	150.881.910.986
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	25.263.910.330	25.890.525.830
Vay ngắn hạn các cá nhân	600.341.077	665.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	187.708.162.393	188.437.777.893

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 01/2018/645305/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2018, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, mệnh giá là 39.124.820.000 VND. Ngoài ra, Công ty còn dùng một số phương tiện vận tải của Công ty và của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng (xem thuyết minh VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Số đầu năm	176.772.436.816	665.341.077	11.000.000.000	188.437.777.893
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	350.000.000	-	350.000.000
Số kết chuyển	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(664.615.500)	(415.000.000)	(11.000.000.000)	(12.079.615.500)
Cộng	176.107.821.316	600.341.077	11.000.000.000	187.708.162.393

18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 252 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	72.554.570.853	83.654.570.853
Số tiền vay đã trả	-	(100.000.000)
Số kết chuyển	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số cuối năm	61.554.570.853	72.554.570.853

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	11.000.000.000	11.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Trên 5 năm	17.554.570.853	28.554.570.853
Cộng	72.554.570.853	83.554.570.853

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Toàn bộ số tiền vay ngắn hạn Ngân hàng đều đã quá hạn thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	225.380.284	-	(6.500.000)	218.880.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	-	1.625.739.279
Cộng	1.851.119.563	-	(6.500.000)	1.844.619.563

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Lợi nhuận trong năm</u>	<u>Tăng/(giảm) khác^(*)</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
Năm trước				
Vốn góp của chủ sở hữu	83.536.200.000	-	-	83.536.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	-	-	11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	42.340.512.899	-	-	42.340.512.899
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(247.891.098.339)	(40.106.313.484)	-	(287.997.411.823)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.102.673.095	(714.999.465)	-	387.673.630
Cộng	(108.984.535.118)	(40.821.312.949)	-	(149.805.848.067)
Năm nay				
Vốn góp của chủ sở hữu	83.536.200.000	-	-	83.536.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	-	-	11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	42.340.512.899	-	-	42.340.512.899
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(287.997.411.823)	(71.595.374.541)	666.741.332	(358.926.045.032)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	387.673.630	61.042.206	-	448.715.836
Cộng	(149.805.848.067)	(71.534.332.335)	666.741.332	(220.673.439.070)

(*) Là khoản điều chỉnh lợi ích từ công ty liên kết do không ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

105
3 T
HÀN
ẤP
Đ
H

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	38.556.000.000	38.556.000.000
Các cổ đông khác	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	95.463.377.227	95.463.377.227

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 111,58 USD (số đầu năm là 616,27 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây lắp, gia công	56.217.875.226	48.869.182.486
Doanh thu bán điện thành phẩm	23.221.931.729	21.512.708.999
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.031.454.545	728.802.003
Cộng	80.471.261.500	71.110.693.488

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Doanh thu xây lắp	6.838.793.220	23.067.614.144

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây lắp	55.122.787.233	52.793.735.632
Giá vốn điện thành phẩm đã bán	12.484.233.154	12.034.217.493
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	938.238.861	288.093.972
Cộng	68.545.259.248	65.116.047.097

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	29.372.687	25.780.551
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.438.866	
Cộng	31.811.553	25.780.551

105
3 T
HÀN
ẤP
Đ
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.434.516.379	27.093.718.361
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	33.372.060.751	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.849.814	-
Cộng	58.813.426.944	27.093.718.361

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.466.058.939	7.591.105.725
Chi phí vật liệu quản lý	548.211.903	547.119.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.807.554	32.807.606
Thuế, phí và lệ phí	30.712.883	37.211.099
Dự phòng phải thu khó đòi	1.893.463.364	3.876.011.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.418.045.199	2.128.349.749
Các chi phí khác	1.475.472.541	1.199.865.123
Cộng	12.909.772.383	15.412.470.442

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	524.347.546	457.948.014
Thuế bị phạt, bị truy thu	10.802.874.355	11.190.990
Phạt vi phạm hành chính	143.889.459	472.915.845
Chi phí tổn thất không được bảo hiểm bồi thường	-	3.287.611.871
Chi phí khác	-	41.907.822
Cộng	11.471.111.360	4.271.574.542

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(71.595.374.541)	(40.106.313.484)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(71.595.374.541)	(40.106.313.484)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.353.620	8.353.620
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(8.571)	(4.801)

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.032.584.346	13.059.009.126
Chi phí nhân công	20.601.627.733	17.267.109.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.899.431.851	8.905.828.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.210.838.410	12.326.828.754
Chi phí khác	6.276.539.019	3.367.249.915
Cộng	66.021.021.359	54.926.026.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

✓ Công ty đã nhận được Công văn số 340/CV/2024 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam thông báo về việc đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông liên quan đến số công nợ mà Công ty chưa thanh toán theo các Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hà Đông liên quan đến vụ kiện này. Trong trường hợp bị thua kiện, Công ty có thể phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam khoảng 11.030.927.899 VND.

✓ Công ty cũng đã nhận được Đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mà đại diện ủy quyền là Chi nhánh Hồng Hà (Agribank Chi nhánh Hồng Hà) ngày 07 tháng 12 năm 2023 gửi Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank Chi nhánh Hồng Hà toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 08 tháng 11 năm 2023 là 36.576.016.850 VND. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm liên quan đến vụ kiện này. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh đầy đủ nghĩa vụ nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đình Thiện		
Tạm ứng	-	2.476.046.890
Hoàn ứng	140.000.000	2.422.143.259
Ông Khiếu Mạnh Tuấn		
Tạm ứng	-	3.000.000.000
Hoàn ứng	-	3.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Vũ Anh Đoàn dùng tài sản là xe ô tô Toyota Camry thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	314.776.268	70.827.274	385.603.542
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	273.971.692	28.327.272	302.298.964
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	39.118.183	39.118.183
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	75.118.183	75.118.183
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	279.543.000	75.118.183	354.661.183
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/04/2024)	64.350.445	-	64.350.445
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/05/2024)	83.470.248	-	83.470.248
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ ngày 03/07/2024)	-	9.454.545	9.454.545
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 26/06/2024)	84.846.199	-	84.846.199
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	174.647.077	29.502.273	204.149.350
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát	248.807.000	57.245.454	306.052.454
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	199.889.511	36.000.000	235.889.511
Cộng		1.724.301.440	420.711.367	2.145.012.807
Năm trước				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 29/06/2023)	131.955.621	74.663.772	206.619.393
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (đến ngày 29/06/2023)	83.507.252	-	83.507.252
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	240.281.000	17.718.180	257.999.180
Phạm Văn Chiến	Ủy viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/TGĐ	126.829.636	9.309.091	136.138.727
Nguyễn Đình Thiện	Phó TGĐ	102.808.555	-	102.808.555
Vũ Trọng Hoàng	Phó TGĐ	102.960.441	-	102.960.441
Lý Nam Ninh	Trưởng ban Kiểm soát	79.202.605	13.125.000	92.327.605
Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban Kiểm soát	-	6.306.817	6.306.817
Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên BKS	211.573.000	6.981.819	218.554.819
Ông Nguyễn Thế Huynh	Thành viên BKS	41.236.037	-	41.236.037
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	-	41.890.909	41.890.909
Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	186.520.944	-	186.520.944
Cộng		1.306.875.090	223.431.948	1.530.307.038

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Bên liên quan của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Hacotec Group	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm công ty không phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.13, V.14 và V.17a.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Xây dựng, gia công, lắp đặt thiết cơ khí thủy công.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và kinh doanh thủy điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.249.329.771	23.221.931.729	80.471.261.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.249.329.771	23.221.931.729	80.471.261.500
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.188.303.677	10.737.698.575	11.926.002.252
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.891.094.063)	(2.018.678.320)	(12.909.772.383)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.702.790.386)	8.719.020.255	(983.770.131)
Doanh thu hoạt động tài chính	30.078.419	1.733.134	31.811.553
Chi phí tài chính	(52.183.428.377)	(6.629.998.567)	(58.813.426.944)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
Thu nhập khác	13.750.000	-	13.750.000
Chi phí khác	(11.322.124.870)	(148.986.490)	(11.471.111.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(301.474.721)	(301.474.721)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(10.110.732)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(71.534.332.335)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	170.094.907	-	170.094.907
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	244.155.997	9.010.979.635	9.255.135.632

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.597.984.489	21.512.708.999	71.110.693.488
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.597.984.489	21.512.708.999	71.110.693.488
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.483.845.115)	9.478.491.506	5.994.646.391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(12.274.644.617)	(3.137.825.825)	(15.412.470.442)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(15.758.489.732)	6.340.665.681	(9.417.824.051)
Doanh thu hoạt động tài chính	22.410.190	3.370.361	25.780.551
Chi phí tài chính	(18.076.770.399)	(9.016.947.962)	(27.093.718.361)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	(53.865.814)
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	(820.890.944)	(3.450.683.598)	(4.271.574.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(10.110.732)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(40.821.312.949)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	250.552.866	9.104.876.136	9.355.429.002

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	534.756.321.395	229.784.863.054	(107.008.124.314)	657.533.060.135
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng tài sản				657.533.060.135
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	754.982.776.424	225.305.423.775	(102.081.700.994)	878.206.499.205
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				878.206.499.205
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	598.407.586.765	238.299.014.960	(103.902.890.029)	732.803.711.696
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng tài sản				732.803.711.696
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	745.921.625.596	234.422.429.351	(99.585.614.747)	882.609.559.763
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				882.609.559.763

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm công ty tiếp tục lỗ (71.534.332.335) VND, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (358.926.045.032) VND, vốn chủ sở hữu âm (220.673.439.070) VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 383.956.367.852 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục vì các lý do sau:

- Công ty mẹ vẫn đang tích cực làm việc với các bên giao thầu để quyết toán công trình, thu hồi công nợ. Một số hợp đồng mới vẫn được ký kết. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới.
- Công ty Cổ phần Someco Hà Giang: Hoạt động của Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 đang dần ổn định, dòng tiền từ kinh doanh thủy điện có thể chi trả được các khoản nợ đến hạn.

5. Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng

5a. Các vụ kiện do Công ty là nguyên đơn

✓ Vụ kiện liên quan đến thu hồi đất tại Chi nhánh 1:

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 1357/QĐ-UBND (“Quyết định 1357”) về việc thu hồi diện tích 61.372,8 m² đất do Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (Chi nhánh 1) quản lý sử dụng do vi phạm pháp luật về đất đai, giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý và thực hiện đấu giá đối với diện tích đất này. Công ty đã có các văn bản khiếu nại lần 1 gửi UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2022, và khiếu nại lần 2 gửi Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 08 tháng 02 năm 2023 để đề nghị thu hồi, và/hoặc hủy bỏ Quyết định số 1357. Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-BTNMT về việc tiếp tục công nhận Quyết định 1357 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất của Công ty. Công ty đã nộp đơn khởi kiện UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2024 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án.

✓ Vụ kiện liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1:

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Công ty đã có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco1”/Công ty liên kết), gửi Tòa án Nhân dân tỉnh Lạng Sơn (“Tòa án”) với những nội dung sau:

- Xác định và tuyên bố số vốn điều lệ của Someco 1 là 58.385.947.018 VND (Số vốn điều lệ của Someco 1 theo đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 162.000.000.000 VND).
- Xác định và tuyên bố số vốn của Công ty đã góp vào Someco 1 là 39.124.823.018 VND.
- Buộc Someco 1 phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký giảm vốn điều lệ đúng bằng với số vốn thực góp là 58.435.259.018 VND.
- Buộc Someco 1 phải chịu các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án này.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, Công ty đã xin rút yêu cầu số (iii) về việc buộc Someco 1 phải thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ bằng vốn thực góp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, Tòa án đã xét xử và ban hành Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST, tuyên bố: Số vốn các cổ đông đã góp vào Someco 1 tính đến thời điểm ngày 08/05/2024 là 58.435.259.018 VND; Số vốn Công ty đã góp vào Someco 1 từ ngày 02/11/2007 đến ngày 28/05/2024 là 39.124.823.018 VND. Bản án này chưa có hiệu lực do ngày 23/9/2024, Tòa án nhận được Đơn kháng cáo của Someco 1, theo đó, Someco 1 kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm đã nêu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)



5b. Các vụ kiện mà Công ty là bị đơn

- ✓ **Các vụ kiện đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội** (Gồm các nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đồng Dương (nay là Công ty Cổ phần PT Đồng Dương), Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thái Dương, Công ty Cổ phần Nhật Nam, Viện Nghiên cứu cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh): Số dư nợ gốc còn phải trả các nhà cung cấp này tại thời điểm ký Biên bản hòa giải là 27.056.167.876 VND; Số lãi chậm trả theo thỏa thuận là 3.722.000.000 VND; Số dư nợ gốc còn phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.016.271.377 VND.

Công ty chưa thanh toán cho các nhà cung cấp theo đúng tiến độ trong Biên bản hòa giải, cũng chưa ước tính lãi chậm trả từ thời điểm ký Biên bản thỏa thuận. Công ty đã nhận được quyết định thi hành án theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông đối với khoản nợ phải trả Viện Nghiên cứu Cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh nhưng chưa áp dụng biện pháp thi hành án.

- ✓ **Vụ kiện đã có Phán quyết Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam** (nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng): Theo phán quyết, Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng từ tháng 8 năm 2009 đến hết tháng 9 năm 2015 đối với diện tích đất thuê tại KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, số tiền là 615.215.032 VND và tiền lãi chậm trả tính đến hết tháng 7 năm 2019 là 424.921.392 VND. Theo Quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty phải thanh toán tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tiền lãi chậm trả và tiền án phí với tổng số tiền là 1.132.040.424 VND.

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã áp dụng các biện pháp thi hành án đối với Công ty theo Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc phong tỏa tài khoản, tài sản của Công ty tại Ngân hàng, số tiền 1.643.489.041 VND và các quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, số tiền đã chuyển vào Tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để thi hành án là 382.257.543 VND.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

